

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em

2. Ông Ngô Trung Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Thu V, sinh năm: 1977. Địa chỉ: khu phố A, phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1976. Địa chỉ: khu phố A, phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà V và ông B có Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2022; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt ngày 22/8/2022, nguyên đơn bà Đặng Thị Thu V trình bày:

Bà và ông B tự nguyện kết hôn vào năm 2002, được Ủy ban nhân dân phường Phú Khương, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/10/2002. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng của ông bà hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên bất hòa, cuộc sống không còn hạnh phúc. Bà và ông B đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà xác định không còn

tình cảm với ông B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông B.

Về con chung: có một con chung tên là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 05/11/2004, hiện con chung đang sống với bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông B không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 08/8/2022, Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/8/2022, bị đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Đặng Thị Thu V.

Về con chung: có một con chung tên là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 05/11/2004, ông đồng ý để bà V trực tiếp nuôi con chung và ông thống nhất về việc không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Ông và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà V không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh B hiện đang cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Đặng Thị Thu V và bị đơn ông Nguyễn Thanh B đều có Văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà V và ông B.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông B tự nguyện kết hôn vào năm 2002, được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Be (nay là thành phố B), tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/10/2002 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại bản tự khai, bà V và ông B đều thống nhất nội dung sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên bất hòa. Ông bà đã ly thân năm 2018 đến nay. Nay ông bà đều thống nhất ý kiến ly hôn với nhau vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà V và ông B đã ly thân từ năm 2018 đến nay mà không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay ông bà đều thống nhất ý kiến ly hôn với nhau. Điều này cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V.

Về con chung: có một con chung tên là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 05/11/2004. Bà V có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và Bản tự khai, Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, ông B cũng đồng ý để bà V trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà V và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà V và ông B đều khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nguyên đơn bà V phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu V. Cụ thể tuyên bà Đặng Thị Thu V được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị Thu V được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 05/11/2004. Ghi nhận việc bà V không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà V và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà V và ông B đều khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Đặng Thị Thu V phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009811 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA